

**TỔNG CÔNG TY TƯ VẤN THIẾT KẾ DẦU
KHÍ – CÔNG TY CỔ PHẦN**

(Thành lập tại nước CHXHCN Việt Nam)

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH ĐÃ ĐƯỢC
SOÁT XÉT**

Cho giai đoạn 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2011

MỤC LỤC

<u>NỘI DUNG</u>	<u>TRANG</u>
BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC	1
BÁO CÁO KẾT QUẢ CÔNG TÁC SOÁT XÉT BÁO CÁO TÀI CHÍNH	2
BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN	3 - 4
BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH	5
BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ	6 - 7
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH	8 - 19



BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Ban Giám đốc Tổng Công ty Tư vấn Thiết kế Dầu khí – Công ty cổ phần (gọi tắt là “Công ty”) đệ trình báo cáo này cùng với báo cáo tài chính đã được soát xét của Công ty cho giai đoạn 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2011.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN GIÁM ĐỐC

Các thành viên của Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc đã điều hành Công ty trong giai đoạn và đến ngày lập báo cáo này gồm:

Hội đồng Quản trị

Ông Lê Chung	Chủ tịch (bổ nhiệm ngày 21 tháng 6 năm 2011)
Ông Đỗ Văn Thanh	Chủ tịch (từ nhiệm ngày 21 tháng 6 năm 2011)
Ông Đinh Văn Dĩnh	Phó Chủ tịch
Ông Bùi Tuấn Anh	Ủy viên
Ông Phạm Thanh Minh	Ủy viên (từ nhiệm ngày 21 tháng 6 năm 2011)
Ông Hồ Khả Thịnh	Ủy viên

Ban Giám đốc

Ông Đỗ Văn Thanh	Tổng Giám đốc (bổ nhiệm ngày 21 tháng 6 năm 2011)
Ông Bùi Tuấn Anh	Tổng Giám đốc (từ nhiệm ngày 21 tháng 6 năm 2011)
Ông Bùi Tuấn Anh	Phó Tổng Giám đốc (bổ nhiệm ngày 21 tháng 6 năm 2011)
Ông Phạm Thanh Minh	Phó Tổng Giám đốc
Ông Lê Hữu Bốn	Phó Tổng Giám đốc

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Ban Giám đốc Công ty có trách nhiệm lập báo cáo tài chính phản ánh một cách trung thực và hợp lý tình hình tài chính cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong giai đoạn. Trong việc lập các báo cáo tài chính này, Ban Giám đốc được yêu cầu phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán.
- Đưa ra các xét đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng.
- Nêu rõ các nguyên tắc kế toán thích hợp có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu cần được công bố và giải thích trong báo cáo tài chính hay không.
- Lập báo cáo tài chính trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh.
- Thiết kế và thực hiện hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu cho mục đích lập và trình bày báo cáo tài chính hợp lý nhằm hạn chế rủi ro và gian lận.

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo rằng sổ sách kế toán được ghi chép một cách phù hợp để phản ánh một cách hợp lý tình hình tài chính của Công ty ở bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng báo cáo tài chính tuân thủ các chuẩn mực kế toán Việt Nam, hệ thống kế toán Việt Nam và các quy định hiện hành có liên quan tại Việt Nam. Ban Giám đốc cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn cho tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và sai phạm khác.

Ban Giám đốc xác nhận rằng Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập báo cáo tài chính.

Thầy mặt và đại diện cho Ban Giám đốc,



Đỗ Văn Thanh
Tổng Giám đốc
Ngày 15 tháng 8 năm 2011

02727
HÀNH
CÔNG T
NHỆM
LOIT
T N
TP. H
TP H

Số: 30 /2012/Deloitte-AUDHCM-RE

BÁO CÁO KẾT QUẢ CÔNG TÁC SOÁT XÉT BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Kính gửi: **Các cổ đông**
Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc
Tổng Công ty Tư vấn Thiết kế Dầu khí - Công ty cổ phần

Chúng tôi đã thực hiện công tác soát xét bằng cân đối kế toán tại ngày 30 tháng 6 năm 2011 cùng với báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho giai đoạn 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2011 và thuyết minh báo cáo tài chính kèm theo (gọi chung là "báo cáo tài chính") của Tổng Công ty Tư vấn Thiết kế Dầu khí - Công ty cổ phần (gọi tắt là "Công ty"), từ trang 3 đến trang 19. Báo cáo tài chính kèm theo không nhằm phản ánh tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận chung tại các nước khác ngoài Việt Nam. Việc lập và trình bày báo cáo tài chính này thuộc trách nhiệm của Ban Giám đốc Công ty. Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra Báo cáo kết quả công tác soát xét về báo cáo tài chính này trên cơ sở công tác soát xét của chúng tôi.

Chúng tôi đã thực hiện công tác soát xét báo cáo tài chính theo Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam số 910 - Công tác soát xét Báo cáo tài chính. Chuẩn mực này yêu cầu công tác soát xét phải lập kế hoạch và thực hiện để có sự đảm bảo vừa phải rằng báo cáo tài chính không chứa đựng những sai sót trọng yếu. Công tác soát xét bao gồm chủ yếu là việc trao đổi với nhân sự của công ty và áp dụng các thủ tục phân tích trên những thông tin tài chính; công tác này cung cấp một mức độ đảm bảo thấp hơn công tác kiểm toán. Chúng tôi không thực hiện công việc kiểm toán nên cũng không đưa ra ý kiến kiểm toán.

Trên cơ sở công tác soát xét của chúng tôi, chúng tôi không thấy có sự kiện nào đáng lưu ý để chúng tôi cho rằng báo cáo tài chính kèm theo không phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Công ty tại ngày 30 tháng 6 năm 2011 cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho giai đoạn 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2011 phù hợp với Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Hệ thống kế toán Việt Nam và các quy định hiện hành có liên quan tại Việt Nam.

Như đã trình bày tại Thuyết minh số 2 và số 4, phần Thuyết minh báo cáo tài chính, tại ngày 30 tháng 6 năm 2011, Công ty trình bày khoản đầu tư vào các công ty con trên báo cáo tài chính theo phương pháp giá gốc. Báo cáo tài chính kèm theo là báo cáo tài chính riêng, được lập để trình bày tình hình tài chính tại ngày 30 tháng 6 năm 2011 cũng như kết quả kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho giai đoạn 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2011 của riêng Công ty.



Lê Đình Tứ
Phó Tổng Giám đốc
Chứng chỉ kiểm toán viên số 0488/KTV
Thay mặt và đại diện cho
CÔNG TY TNHH DELOITTE VIỆT NAM
Ngày 15 tháng 8 năm 2011
Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam

Trần Thanh Đăng Sơn
Kiểm toán viên
Chứng chỉ kiểm toán viên số 1542/KTV

TỔNG CÔNG TY TƯ VẤN THIẾT KẾ DẦU KHÍ – CÔNG TY CỔ PHẦN

Lầu 4 nhà G1, Khách sạn Dầu khí Thanh Đa, Phường 27, Quận Bình Thạnh

Báo cáo tài chính

Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam

Cho giai đoạn 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2011

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2011

MẪU B 01-DN

Đơn vị: VNĐ

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	30/6/2011	31/12/2010
A. TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		381.055.916.275	279.730.895.145
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	5	75.378.585.908	101.564.384.504
1. Tiền	111		75.378.585.908	48.683.492.044
2. Các khoản tương đương tiền	112		-	52.880.892.460
II. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		275.365.547.618	134.193.872.654
1. Phải thu khách hàng	131		44.977.812.766	10.913.480.517
2. Trả trước cho người bán	132		22.095.876.734	2.445.397.303
3. Phải thu theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	134		204.307.960.440	115.942.080.923
4. Các khoản phải thu khác	135		4.176.742.497	5.085.758.730
5. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	139		(192.844.819)	(192.844.819)
III. Hàng tồn kho	140	6	15.847.393.998	24.292.280.792
1. Hàng tồn kho	141		15.847.393.998	24.292.280.792
IV. Tài sản ngắn hạn khác	150		14.464.388.751	19.680.357.195
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151		1.309.916.329	1.203.338.679
2. Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	152		283.098.667	1.757.226.030
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	154		-	1.246.029.906
4. Tài sản ngắn hạn khác	158		12.871.373.755	15.473.762.580
B. TÀI SẢN DÀI HẠN	200		155.310.827.179	90.570.758.516
I. Tài sản cố định	220		10.237.032.724	11.979.824.437
1. Tài sản cố định hữu hình	221	7	6.309.854.490	7.917.962.394
- Nguyên giá	222		21.786.022.323	33.235.474.055
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(15.476.167.833)	(25.317.511.661)
2. Tài sản cố định vô hình	227	8	3.927.178.234	4.061.862.043
- Nguyên giá	228		6.318.501.888	6.083.871.388
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		(2.391.323.654)	(2.022.009.345)
II. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	250		144.601.879.298	77.435.732.547
1. Đầu tư vào công ty con	251	9	38.404.812.478	-
2. Đầu tư dài hạn khác	258	10	106.197.066.820	77.435.732.547
III. Tài sản dài hạn khác	260		471.915.157	1.155.201.532
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	11	471.915.157	1.155.201.532
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	270		536.366.743.454	370.301.653.661

Các thuyết minh từ trang 8 đến trang 19 là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính

TỔNG CÔNG TY TƯ VẤN THIẾT KẾ DẦU KHÍ – CÔNG TY CỔ PHẦNLầu 4 nhà G1, Khách sạn Dầu khí Thanh Đa, Phường 27, Quận Bình Thạnh
Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam**Báo cáo tài chính**

Cho giai đoạn 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2011

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (Tiếp theo)

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2011

MẪU B 01-DN

Đơn vị: VND

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	30/6/2011	31/12/2010
A. NỢ PHẢI TRẢ	300		320.257.774.016	267.610.909.938
I. Nợ ngắn hạn	310		314.234.644.848	261.496.621.733
1. Vay ngắn hạn	311	12	4.051.839.954	-
2. Phải trả người bán	312		24.104.597.094	24.963.169.731
3. Người mua trả tiền trước	313		36.714.867.517	61.280.416.235
4. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	314	13	6.869.412.841	3.752.517.657
5. Phải trả người lao động	315		34.297.511.349	40.149.764.595
6. Chi phí phải trả	316		177.214.539.354	86.049.010.795
7. Các khoản phải trả, phải nộp khác	319		15.252.754.191	30.091.064.315
8. Dự phòng phải trả ngắn hạn	320	14	11.455.378.564	12.044.443.591
9. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	323		4.273.743.984	3.166.234.814
II. Nợ dài hạn	330		6.023.129.168	6.114.288.205
1. Phải trả dài hạn khác	333		127.050.000	137.050.000
2. Vay và nợ dài hạn	334	15	5.000.000.000	5.000.000.000
3. Dự phòng trợ cấp mất việc làm	336		896.079.168	977.238.205
B. NGUỒN VỐN	400		216.108.969.438	102.690.743.723
I. Vốn chủ sở hữu	410	16	216.108.969.438	102.690.743.723
1. Vốn điều lệ	411		180.000.000.000	80.000.000.000
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		321.888.415	353.718.415
3. Vốn khác của chủ sở hữu	413		1.600.295.812	1.609.545.812
4. Chênh lệch tỷ giá hối đoái	416		171.889.908	109.330
5. Quỹ đầu tư phát triển	417		5.902.424.923	4.750.644.717
6. Quỹ dự phòng tài chính	418		4.892.901.528	3.741.121.322
7. Lợi nhuận chưa phân phối	420		23.219.568.852	12.235.604.127
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	440		536.366.743.454	370.301.653.661

**Đỗ Văn Thanh**
Tổng Giám đốc

Ngày 15 tháng 8 năm 2011

Hồ Khả Thịnh
Kế toán trưởng

Các thuyết minh từ trang 8 đến trang 19 là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính

TỔNG CÔNG TY TƯ VẤN THIẾT KẾ DẦU KHÍ – CÔNG TY CỔ PHẦN

Lầu 4 nhà G1, Khách sạn Dầu khí Thanh Đa, Phường 27, Quận Bình Thạnh

Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính

Cho giai đoạn 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2011

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Cho giai đoạn 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2011

MẪU B 02-DN

Đơn vị: VNĐ

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Từ 1/1/2011 đến 30/6/2011	Từ 1/1/2010 đến 30/6/2010
1. Doanh thu cung cấp dịch vụ	01		303.565.457.558	175.633.539.152
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02		-	-
3. Doanh thu thuần về cung cấp dịch vụ	10		303.565.457.558	175.633.539.152
4. Giá vốn dịch vụ cung cấp	11		(259.095.121.045)	(150.862.536.771)
5. Lợi nhuận gộp	20		44.470.336.513	24.771.002.381
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	17	4.090.585.344	2.123.015.939
7. Chi phí tài chính	22		(159.171.381)	(2.779.334)
<i>trong đó: Chi phí lãi vay</i>	23		<i>(142.753.015)</i>	-
8. Chi phí quản lý doanh nghiệp	25		(21.158.776.846)	(17.247.242.589)
9. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		27.242.973.630	9.643.996.397
10. Thu nhập khác	31		3.883.010.595	4.215.025.788
11. Chi phí khác	32		(151.559.089)	(2.313.880)
12. Lợi nhuận khác	40	18	3.731.451.506	4.212.711.908
13. Lợi nhuận trước thuế	50		30.974.425.136	13.856.708.305
14. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51	19	(7.754.856.284)	(3.464.177.077)
15. Lợi nhuận sau thuế	60		23.219.568.852	10.392.531.228

**Đỗ Văn Thanh**
Tổng Giám đốc

Ngày 15 tháng 8 năm 2011

Hồ Khả Thịnh
Kế toán trưởng

Các thuyết minh từ trang 8 đến trang 19 là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính

TỔNG CÔNG TY TƯ VẤN THIẾT KẾ DẦU KHÍ – CÔNG TY CỔ PHẦN

Lầu 4 nhà G1, Khách sạn Dầu khí Thanh Đa, Phường 27, Quận Bình Thạnh

Báo cáo tài chính

Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam

Cho giai đoạn 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2011

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

Cho giai đoạn 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2011

MẪU B 03-DN

Đơn vị: VNĐ

CHỈ TIÊU	Mã số	Từ 1/1/2011 đến 30/6/2011	Từ 1/1/2010 đến 30/6/2010
I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH			
1. Lợi nhuận trước thuế	01	30.974.425.136	13.856.708.305
2. Điều chỉnh cho các khoản:			
Khấu hao tài sản cố định	02	1.472.877.415	1.075.973.924
Lãi từ hoạt động đầu tư	05	(3.673.585.344)	(1.187.501.399)
Chi phí lãi vay	06	142.753.015	-
Chênh lệch đánh giá lại tài sản	07	(1.433.472.395)	-
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08	27.482.997.827	13.745.180.830
Tăng các khoản phải thu (Tăng)/Giảm hàng tồn kho	09 (10)	(149.207.858.758) (7.697.153.674)	(50.157.995.912) 52.929.098.323
Tăng/(Giảm) các khoản phải trả	11	65.084.146.114	(8.730.180.516)
Giảm/(Tăng) chi phí trả trước	12	120.634.665	(831.352.799)
Tiền lãi vay đã trả	13	(142.753.015)	-
Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	14	(2.068.000.538)	(2.780.301.293)
Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	15	-	9.250.000
Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	16	(700.037.481)	(1.317.209.810)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20	(67.128.024.860)	2.866.488.823
II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ			
1. Tiền chi mua sắm, xây dựng tài sản cố định	21	(2.934.390.228)	(1.470.031.602)
2. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24	-	6.033.742.209
3. Tiền chi đầu tư góp vốn vào các đơn vị khác	25	(45.625.196.665)	(9.945.580.000)
4. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức được chia	27	3.549.951.225	1.187.501.399
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30	(45.009.635.668)	(4.194.367.994)
III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH			
1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu	31	100.000.000.000	948.919.938
2. Tiền vay ngắn hạn nhận được	33	9.203.032.581	-
3. Tiền chi trả nợ gốc vay	34	(5.151.192.627)	-
4. Cổ tức đã trả cho cổ đông	36	(18.271.758.600)	(9.541.440.000)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40	85.780.081.354	(8.592.520.062)
Lưu chuyển tiền thuần trong giai đoạn	50	(26.357.579.174)	(9.920.399.233)
Tiền và các khoản tương đương tiền đầu giai đoạn	60	101.564.384.504	42.270.291.351
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá quy đổi ngoại tệ	61	171.780.578	-
Tiền và các khoản tương đương tiền cuối giai đoạn	70	75.378.585.908	32.349.892.118

Các thuyết minh từ trang 8 đến trang 19 là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính

TỔNG CÔNG TY TƯ VẤN THIẾT KẾ DẦU KHÍ – CÔNG TY CỔ PHẦN

Lầu 4 nhà G1, Khách sạn Dầu khí Thanh Đa, Phường 27, Quận Bình Thạnh
Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính

Cho giai đoạn 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2011

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ (tiếp theo)
Cho giai đoạn 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2011

Thông tin bổ sung về các nghiệp vụ phi tiền tệ:

Trong giai đoạn, một phần khoản chi đầu tư vào các công ty con với số tiền là 20.897.533.136 đồng được góp bằng tài sản thuần của hai Xí nghiệp Công trình dầu khí và Xí nghiệp Khảo sát, kiểm định và dịch vụ công trình của Công ty. Vì vậy, một khoản tiền tương ứng đã được điều chỉnh trên phần tăng, giảm các khoản vốn lưu động.

Trong giai đoạn, một phần tiền chi đầu tư góp vốn vào các đơn vị khác với số tiền là 643.416.950 đồng (năm 2010: 0 đồng) được thanh toán bù trừ với khoản phải thu từ cổ đông của đơn vị khác.



Đỗ Văn Thanh
Tổng Giám đốc

Ngày 15 tháng 8 năm 2011

Hồ Khả Thịnh
Kế toán trưởng



Các thuyết minh từ trang 8 đến trang 19 là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính

TỔNG CÔNG TY TƯ VẤN THIẾT KẾ DẦU KHÍ – CÔNG TY CỔ PHẦN

Lầu 4 nhà G1, Khách sạn Dầu khí Thanh Đa, Phường 27, Quận Bình Thạnh
Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính

Cho giai đoạn 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2011

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

MẪU B 09-DN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

1. THÔNG TIN KHÁI QUÁT

Hình thức sở hữu vốn

Công ty hoạt động dưới hình thức công ty cổ phần theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 4103003829 ngày 14 tháng 9 năm 2005 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp và các giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh điều chỉnh. Công ty được chuyển đổi từ Công ty Tư vấn Đầu tư Xây dựng Dầu khí, một công ty Nhà nước, thành viên của Tập đoàn Dầu khí Quốc gia Việt Nam (gọi tắt là “Petro Việt Nam”).

Theo Nghị quyết 1894/NQ-DKVN ngày 9 tháng 8 năm 2010 của Hội đồng thành viên Petro Việt Nam, Công ty được chuyển đổi hoạt động theo mô hình Công ty mẹ - Công ty con. Công ty đã thực hiện việc đăng ký chuyển đổi theo Giấy chứng nhận đăng ký thay đổi lần thứ 11 ngày 12 tháng 7 năm 2011 với tên là Tổng Công ty Tư vấn Thiết kế Dầu khí – Công ty cổ phần.

Tổng số nhân viên của Công ty tại ngày 30 tháng 6 năm 2011 là 360 người (tại ngày 31 tháng 12 năm 2010: 589 người).

Hoạt động chính của Công ty là:

- Hoạt động tư vấn quản lý.
- Hoạt động kiến trúc và tư vấn kỹ thuật có liên quan.
- Tư vấn đầu tư (trừ tư vấn về tài chính kế toán).
- Khai thác hoạt động các dự án dầu khí, các dự án xây dựng khác.
- Chế tạo các sản phẩm công nghệ dầu khí (không hoạt động tại trụ sở).
- Khảo sát xây dựng.
- Thiết kế kết cấu công trình xây dựng dân dụng, công nghiệp, công trình hạ tầng kỹ thuật đô thị, cơ - điện công trình dân dụng, công nghiệp đến nhóm B, điện áp $\leq 22KV$, kiến trúc công trình dân dụng, công nghiệp.
- Kiểm định chất lượng xây dựng.
- Xây dựng dân dụng, công nghiệp, giao thông, dầu khí (lắp đặt từng phần hoặc trọn gói (EPC)).

2. CƠ SỞ LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH VÀ NĂM TÀI CHÍNH

Cơ sở lập báo cáo tài chính

Báo cáo tài chính kèm theo được trình bày bằng Đồng Việt Nam (VND), theo nguyên tắc giá gốc và phù hợp với các chuẩn mực kế toán Việt Nam, hệ thống kế toán Việt Nam và các quy định hiện hành có liên quan tại Việt Nam.

Báo cáo tài chính này được lập để trình bày tình hình tài chính tại ngày 30 tháng 6 năm 2011 và kết quả kinh doanh cũng như tình hình lưu chuyển tiền tệ cho giai đoạn 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2011 của riêng Công ty.

Năm tài chính

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 1 tháng 1 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12. Báo cáo tài chính giữa niên độ của Công ty được lập cho cho giai đoạn 6 tháng từ ngày 1 tháng 1 đến ngày 30 tháng 6 hàng năm.



TỔNG CÔNG TY TƯ VẤN THIẾT KẾ DẦU KHÍ – CÔNG TY CỔ PHẦN

Lầu 4 nhà G1, Khách sạn Dầu khí Thanh Đa, Phường 27, Quận Bình Thạnh
Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính

Cho giai đoạn 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2011

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

MẪU B 09-DN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

3. HƯỚNG DẪN KẾ TOÁN MỚI ĐÃ BAN HÀNH NHƯNG CHƯA ÁP DỤNG

Ngày 6 tháng 11 năm 2009, Bộ tài chính đã ban hành Thông tư số 210/2009/TT-BTC (“Thông tư 210”) hướng dẫn áp dụng Chuẩn mực Báo cáo tài chính Quốc tế về trình bày báo cáo tài chính và thuyết minh thông tin đối với các công cụ tài chính. Việc áp dụng Thông tư 210 sẽ yêu cầu trình bày các thông tin cũng như ảnh hưởng của việc trình bày này đối với một số các công cụ tài chính nhất định trong báo cáo tài chính của doanh nghiệp. Thông tư này sẽ có hiệu lực cho năm tài chính kết thúc vào hoặc sau ngày 31 tháng 12 năm 2011. Ban Giám đốc Công ty đang đánh giá mức độ ảnh hưởng của việc áp dụng Thông tư này đến báo cáo tài chính trong tương lai của Công ty.

4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

Sau đây là các chính sách kế toán chủ yếu được Công ty áp dụng trong việc lập báo cáo tài chính:

Ước tính kế toán

Việc lập báo cáo tài chính tuân thủ theo các chuẩn mực kế toán Việt Nam, hệ thống kế toán Việt Nam và các quy định hiện hành có liên quan tại Việt Nam yêu cầu Ban Giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu về công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày kết thúc niên độ cũng như các số liệu báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt kỳ kế toán. Số liệu phát sinh thực tế có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, các khoản tiền gửi không kỳ hạn, các khoản đầu tư ngắn hạn, có khả năng thanh khoản cao, dễ dàng chuyển đổi thành tiền và ít rủi ro liên quan đến việc biến động giá trị.

Dự phòng nợ khó đòi

Dự phòng phải thu khó đòi được trích lập cho những khoản phải thu đã quá hạn thanh toán từ sáu tháng trở lên, hoặc các khoản thu mà người nợ khó có khả năng thanh toán do bị thanh lý, phá sản hay các khó khăn tương tự.

Hàng tồn kho

Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang cuối kỳ bao gồm các chi phí nguyên liệu, vật liệu trực tiếp, chi phí nhân công trực tiếp, chi phí sử dụng máy thi công, chi phí sản xuất chung phát sinh trong kỳ liên quan đến giá thành sản phẩm xây lắp, khảo sát, thiết kế công trình. Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang cuối năm còn bao gồm giá thành của nhà thầu phụ hoàn thành bàn giao chưa được xác định tiêu thụ trong năm tài chính.

Tài sản cố định hữu hình và khấu hao

Tài sản cố định hữu hình được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua và toàn bộ các chi phí khác liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình do tự làm, tự xây dựng bao gồm chi phí xây dựng, chi phí sản xuất thực tế phát sinh cộng chi phí lắp đặt và chạy thử, nếu có. Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính, cụ thể như sau:

	<u>Số Năm</u>
Nhà xưởng và vật kiến trúc	5 – 25
Máy móc và thiết bị	3 – 10
Thiết bị văn phòng	3 – 6
Phương tiện vận tải	6 – 10

TỔNG CÔNG TY TƯ VẤN THIẾT KẾ DẦU KHÍ – CÔNG TY CỔ PHẦN

Lầu 4 nhà G1, Khách sạn Dầu khí Thanh Đa, Phường 27, Quận Bình Thạnh

Báo cáo tài chính

Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam

Cho giai đoạn 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2011

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**MẪU B 09-DN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo***Thuê tài sản**

Một khoản thuê được xem là thuê hoạt động khi bên cho thuê vẫn được hưởng phần lớn các quyền lợi và phải chịu rủi ro về quyền sở hữu tài sản. Chi phí thuê hoạt động được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian thuê tài sản.

Tài sản cố định vô hình và khấu hao

Tài sản cố định vô hình thể hiện giá trị phần mềm thiết kế và được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế. Phần mềm được phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong thời gian tám năm.

Các khoản trả trước dài hạn

Các khoản chi phí trả trước dài hạn bao gồm công cụ, dụng cụ, và được coi là có khả năng đem lại lợi ích kinh tế trong tương lai cho Công ty với thời hạn từ một năm trở lên. Các chi phí này được vốn hóa dưới hình thức các khoản trả trước dài hạn và được phân bổ vào kết quả hoạt động kinh doanh, sử dụng phương pháp đường thẳng trong vòng ba năm.

Đầu tư vào công ty con

Công ty con là một công ty mà Công ty giữ cổ phần chi phối trên 50% tương ứng với quyền kiểm soát, hoặc là một công ty mà Công ty có quyền chi phối các chính sách tài chính và hoạt động theo quy chế thỏa thuận. Các khoản đầu tư vào công ty con được hạch toán theo giá gốc bao gồm các chi phí liên quan trực tiếp đến khoản đầu tư. Tại các kỳ kế toán tiếp theo, các khoản đầu tư được xác định theo nguyên giá trừ các khoản giảm giá đầu tư. Dự phòng giảm giá đầu tư vào công ty con được trích lập theo các quy định hiện hành.

Đầu tư dài hạn khác

Đầu tư dài hạn khác là các khoản đầu tư vào công ty khác mà Công ty chỉ nắm giữ dưới 20% vốn chủ sở hữu (dưới 20% quyền biểu quyết), không có ảnh hưởng đáng kể và có thời hạn thu hồi hoặc thanh toán vốn trên 1 năm. Giá trị khoản đầu tư dài hạn khác được phản ánh theo giá gốc. Tại các kỳ kế toán tiếp theo, các khoản đầu tư được xác định theo nguyên giá trừ các khoản giảm giá đầu tư.

Dự phòng giảm giá đầu tư dài hạn được trích lập khi các khoản đầu tư Công ty đang nắm giữ có giá trị ghi sổ cao hơn giá thị trường tại ngày kết thúc kỳ kế toán hoặc tổ chức kinh tế mà Công ty đang đầu tư bị lỗ.

Các khoản dự phòng

Các khoản dự phòng được ghi nhận khi Công ty có nghĩa vụ nợ hiện tại do kết quả từ một sự kiện đã xảy ra, và Công ty có khả năng phải thanh toán nghĩa vụ này. Các khoản dự phòng được xác định trên cơ sở ước tính của Ban Giám đốc về các khoản chi phí cần thiết để thanh toán nghĩa vụ nợ này tại ngày kết thúc kỳ kế toán.

Ghi nhận doanh thu

Trường hợp hợp đồng xây dựng quy định nhà thầu được thanh toán theo tiến độ kế hoạch, khi kết quả thực hiện hợp đồng xây dựng được ước tính một cách đáng tin cậy, thì doanh thu và chi phí của hợp đồng xây dựng được ghi nhận tương ứng với phần công việc đã hoàn thành do nhà thầu tự xác định vào ngày lập báo cáo tài chính mà không phụ thuộc vào hóa đơn thanh toán theo tiến độ kế hoạch đã lập hay chưa và số tiền ghi trên hóa đơn là bao nhiêu.

Trường hợp hợp đồng xây dựng quy định nhà thầu được thanh toán theo giá trị khối lượng thực hiện, khi kết quả thực hiện hợp đồng xây dựng được xác định một cách đáng tin cậy và được khách hàng xác nhận, thì doanh thu và chi phí liên quan đến hợp đồng được ghi nhận tương ứng với phần công việc đã hoàn thành được khách hàng xác nhận trong năm phản ánh trên hóa đơn đã lập.

12/202
CHI NI
CÓN
CHNH
DEL
VIỆT
TP. H
N. H

TỔNG CÔNG TY TƯ VẤN THIẾT KẾ DẦU KHÍ – CÔNG TY CỔ PHẦN

Lầu 4 nhà G1, Khách sạn Dầu khí Thanh Đa, Phường 27, Quận Bình Thạnh
Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính

Cho giai đoạn 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2011

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

MẪU B 09-DN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

Khi kết quả thực hiện hợp đồng xây dựng không thể được ước tính một cách đáng tin cậy, doanh thu chỉ được ghi nhận tương đương với chi phí của hợp đồng đã phát sinh mà việc được hoàn trả là tương đối chắc chắn. Chi phí của hợp đồng được ghi nhận là toàn bộ chi phí phát sinh trong năm.

Khi tổng chi phí thực hiện hợp đồng có thể vượt quá tổng doanh thu của hợp đồng, khoản lỗ ước tính được ghi nhận ngay vào chi phí.

Lãi tiền gửi được ghi nhận trên cơ sở dồn tích, được xác định trên số dư các tài khoản tiền gửi và lãi suất áp dụng.

Ngoại tệ

Công ty áp dụng phương pháp hạch toán chênh lệch tỷ giá theo hướng dẫn của Thông tư 201/2009/TT-BTC ngày 15 tháng 10 năm 2009 của Bộ Tài chính. Theo đó, các nghiệp vụ phát sinh bằng các loại ngoại tệ được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày phát sinh nghiệp vụ. Chênh lệch tỷ giá phát sinh từ các nghiệp vụ này được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

Số dư các tài sản bằng tiền và công nợ phải thu, phải trả có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc niên độ kế toán được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày này. Chênh lệch tỷ giá phát sinh từ việc đánh giá lại các khoản tiền, phải thu và phải trả ngắn hạn có gốc ngoại tệ được ghi nhận trên khoản mục chênh lệch tỷ giá hối đoái thuộc mục vốn chủ sở hữu trên bảng cân đối kế toán.

Thuế

Thuế thu nhập doanh nghiệp thể hiện tổng giá trị của số thuế phải trả hiện tại và số thuế hoãn lại. Số thuế hiện tại phải trả được tính dựa trên thu nhập chịu thuế trong năm. Thu nhập chịu thuế khác với lợi nhuận thuần được trình bày trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh vì thu nhập chịu thuế không bao gồm các khoản thu nhập chịu thuế hay chi phí tính thuế được khấu trừ trong các năm khác (bao gồm cả lỗ mang sang, nếu có) và các khoản thu nhập không chịu thuế hoặc chi phí không được khấu trừ.

Thuế thu nhập hoãn lại được tính trên các khoản chênh lệch giữa giá trị ghi sổ và cơ sở tính thuế thu nhập của các khoản mục tài sản hoặc công nợ trên báo cáo tài chính và được ghi nhận theo phương pháp bảng cân đối kế toán. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả phải được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời còn tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để khấu trừ các khoản chênh lệch tạm thời.

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh và chỉ ghi nhận vào vốn chủ sở hữu khi khoản thuế đó có liên quan đến các khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả được bù trừ khi Công ty có quyền hợp pháp để bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và khi các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả liên quan tới thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế và Công ty có dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần.

Việc xác định thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp của Công ty căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sau cùng về thuế thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

Các loại thuế khác được áp dụng theo các luật thuế hiện hành tại Việt Nam.



TỔNG CÔNG TY TƯ VẤN THIẾT KẾ DẦU KHÍ – CÔNG TY CỔ PHẦN

Lầu 4 nhà G1, Khách sạn Dầu khí Thanh Đa, Phường 27, Quận Bình Thạnh

Báo cáo tài chính

Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam

Cho giai đoạn 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2011

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**MẪU B 09-DN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo***5. TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN**

	30/6/2011 VNĐ	31/12/2010 VNĐ
Tiền mặt	14.923.695.433	9.475.259.161
Tiền gửi ngân hàng	60.454.890.475	39.208.232.883
Các khoản tương đương tiền	-	52.880.892.460
	<u>75.378.585.908</u>	<u>101.564.384.504</u>

Các khoản tương đương tiền tại ngày 31 tháng 12 năm 2010 bao gồm các khoản tiền gửi kỳ hạn bằng Việt Nam đồng tại các ngân hàng có thời hạn thu hồi hoặc đáo hạn dưới 3 tháng và lãi suất từ 12% đến 14% một năm.

6. HÀNG TỒN KHO

	30/6/2011 VNĐ	31/12/2010 VNĐ
Nguyên liệu, vật liệu	-	110.372.009
Công cụ, dụng cụ	27.805.000	228.432.896
Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang	15.819.588.998	23.953.475.887
	<u>15.847.393.998</u>	<u>24.292.280.792</u>

Số dư khoản mục chi phí sản xuất kinh doanh dở dang bao gồm chi phí dở dang của các công trình trọng điểm ngành dầu khí như các công trình liên quan đến dự án Nhà máy lọc dầu Dung Quất có giá trị là 7.887.082.282 đồng. Các công trình này hiện chưa được nghiệm thu quyết toán giá trị công trình hoàn thành do vướng mắc về thủ tục quyết toán giữa nhà thầu chính và các chủ đầu tư.

7. TÀI SẢN CỐ ĐỊNH HỮU HÌNH

	Nhà xưởng và vật kiến trúc VNĐ	Máy móc và thiết bị VNĐ	Thiết bị văn phòng VNĐ	Phương tiện vận tải VNĐ	Tổng VNĐ
NGUYÊN GIÁ					
Tại ngày 1/1/2011	4.977.743.477	18.024.992.596	4.331.984.653	5.900.753.329	33.235.474.055
Tăng trong giai đoạn	-	70.535.000	1.073.115.910	1.421.181.818	2.564.832.728
Giảm do góp vốn vào Công ty con	-	(11.603.137.097)	(862.337.458)	(1.548.809.905)	(14.014.284.460)
Tại ngày 30/6/2011	<u>4.977.743.477</u>	<u>6.492.390.499</u>	<u>4.542.763.105</u>	<u>5.773.125.242</u>	<u>21.786.022.323</u>
GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ					
Tại ngày 1/1/2011	3.558.508.331	14.479.598.671	2.779.641.198	4.499.763.461	25.317.511.661
Khấu hao trong giai đoạn	111.260.802	470.414.469	259.399.369	239.940.831	1.081.015.471
Giảm do đánh giá lại	-	(1.153.370.806)	(100.969.570)	(179.132.019)	(1.433.472.395)
Giảm do góp vốn vào Công ty con	-	(7.693.000.733)	(599.750.219)	(1.196.135.952)	(9.488.886.904)
Tại ngày 30/6/2011	<u>3.669.769.133</u>	<u>6.103.641.601</u>	<u>2.338.320.778</u>	<u>3.364.436.321</u>	<u>15.476.167.833</u>
GIÁ TRỊ CÒN LẠI					
Tại ngày 30/6/2011	<u><u>1.307.974.344</u></u>	<u><u>388.748.898</u></u>	<u><u>2.204.442.327</u></u>	<u><u>2.408.688.921</u></u>	<u><u>6.309.854.490</u></u>
Tại ngày 31/12/2010	<u><u>1.419.235.146</u></u>	<u><u>3.545.393.925</u></u>	<u><u>1.552.343.455</u></u>	<u><u>1.400.989.868</u></u>	<u><u>7.917.962.394</u></u>

Tài sản cố định của Công ty bao gồm một số tài sản cố định đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng với nguyên giá là 9.794.991.211 đồng (năm 2010: 15.833.990.172 đồng)

TỔNG CÔNG TY TƯ VẤN THIẾT KẾ DẦU KHÍ – CÔNG TY CỔ PHẦNLầu 4 nhà G1, Khách sạn Dầu khí Thanh Đa, Phường 27, Quận Bình Thạnh
Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam**Báo cáo tài chính**

Cho giai đoạn 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2011

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**MẪU B 09-DN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo***8. TÀI SẢN CÓ ĐỊNH VÔ HÌNH**

	Phần mềm VNĐ
NGUYÊN GIÁ	
Tại ngày 1/1/2011	6.083.871.388
Tăng trong giai đoạn	358.111.500
Góp vốn vào Công ty con	(123.481.000)
Tại ngày 30/6/2011	<u>6.318.501.888</u>
GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ	
Tại ngày 1/1/2011	2.022.009.345
Khấu hao trong giai đoạn	391.861.944
Góp vốn vào Công ty con	(22.547.635)
Tại ngày 30/6/2011	<u>2.391.323.654</u>
GIÁ TRỊ CÒN LẠI	
Tại ngày 30/6/2011	<u><u>3.927.178.234</u></u>
Tại ngày 31/12/2010	<u><u>4.061.862.043</u></u>

Tài sản cố định vô hình bao gồm một số phần mềm thiết kế đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng với nguyên giá là 1.459.946.460 đồng (năm 2010: 1.287.791.060 đồng).

9. ĐẦU TƯ VÀO CÔNG TY CON

Chi tiết đầu tư vào các công ty con của Công ty tại ngày 30 tháng 6 năm 2011 bao gồm:

	30/6/2011 VNĐ	31/12/2010 VNĐ
Công ty Cổ phần Tư Vấn quản lý Dự án Dầu khí PVE	14.989.212.478	-
Công ty Cổ phần Tư Vấn Khảo sát Dầu khí PVE	12.000.000.000	-
Công ty Cổ phần Tư vấn Xây dựng Đầu tư dầu khí	11.415.600.000	-
	<u><u>38.404.812.478</u></u>	<u><u>-</u></u>

Thông tin chi tiết về các công ty con của Công ty tại ngày 30 tháng 6 năm 2011 như sau:

Tên công ty con	Nơi thành lập (hoặc đăng ký) và hoạt động	Tỷ lệ phần sở hữu %	Tỷ lệ quyền biểu quyết năm giữ %	Hoạt động chính
Công ty Cổ phần Tư Vấn Quản lý Dự án Dầu khí PVE	Thành phố Hồ Chí Minh	99,52%	99,52%	Tư vấn quản lý các dự án chuyên ngành dầu khí
Công ty Cổ phần Tư Vấn Khảo sát Dầu khí PVE	Thành phố Hồ Chí Minh	94,18%	94,18%	Kiểm định và dịch vụ kỹ thuật chuyên ngành
Công ty Cổ phần Tư vấn Xây dựng Đầu tư dầu khí	Thành phố Hà Nội	44,39%	44,39%	Xây dựng công trình dân dụng và chuyên dụng



TỔNG CÔNG TY TƯ VẤN THIẾT KẾ DẦU KHÍ – CÔNG TY CỔ PHẦNLầu 4 nhà G1, Khách sạn Dầu khí Thanh Đa, Phường 27, Quận Bình Thạnh
Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam**Báo cáo tài chính**

Cho giai đoạn 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2011

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**MẪU B 09-DN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo*

Căn cứ theo Quyết định số 2271/QĐ-DKVN ngày 16 tháng 9 năm 2010 của Petro Việt Nam và Nghị quyết số 35 & 36/NQ-ĐTTK-HĐQT ngày 11 tháng 12 năm 2010 của Hội đồng quản trị, Công ty đã thành lập mới hai Công ty con là Công ty Cổ phần Tư vấn Quản lý Dự án dầu khí PVE và Công ty Cổ phần Tư vấn Khảo sát PVE với tổng vốn điều lệ lần lượt là 30.000.000.000 đồng và 20.000.000.000 đồng.

Theo Nghị quyết số 10004/NQ-DKVN ngày 4 tháng 11 năm 2010, Petro Việt Nam đã chấp thuận việc chuyển nhượng phần vốn góp của Petro Việt Nam tại Công ty Cổ phần Tư vấn Xây dựng Đầu tư dầu khí cho Công ty. Mặc dù Công ty không sở hữu hơn 50% vốn góp của Công ty Cổ phần Tư vấn Xây dựng Đầu tư Dầu khí, nhưng theo thỏa thuận, Công ty có quyền kiểm soát Công ty Cổ phần Tư vấn Xây dựng Đầu tư dầu khí vì Công ty có quyền bỏ đa số phiếu biểu quyết tại các cuộc họp của Hội đồng quản trị. Theo đó, Công ty Cổ phần Tư vấn Xây dựng Đầu tư Dầu khí là công ty con của Công ty từ ngày 1 tháng 1 năm 2011.

10. ĐẦU TƯ DÀI HẠN KHÁC

Đầu tư dài hạn khác thể hiện khoản đầu tư theo hợp đồng hợp tác kinh doanh số 42b/2009/BCC/PVGAS-PVC-PLC ngày 25 tháng 4 năm 2009 giữa Công ty với các bên Tổng Công ty khí Việt Nam (“PV Gas”) và Công ty Cổ phần địa ốc Phú Long (“Phú Long”), để góp vốn đầu tư xây dựng và kinh doanh khai thác dự án “Cao ốc văn phòng Dragon Tower” trên diện tích đất 7.441 m² tại địa điểm số 8, đường Nguyễn Hữu Thọ, xã Phước Kiển, huyện Nhà Bè, Thành phố Hồ Chí Minh, với tổng mức đầu tư dự kiến là 827 tỷ đồng. Tỷ lệ vốn góp của PV Gas, Công ty và Phú Long lần lượt là 70%, 20% và 10%. Tại ngày 30 tháng 6 năm 2011, dự án vẫn đang được tiếp tục triển khai xây dựng.

11. CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC DÀI HẠN

	2011 <u>VNĐ</u>	2010 <u>VNĐ</u>
Tại ngày 1 tháng 1	1.155.201.532	1.297.738.233
Tăng trong giai đoạn/ năm	361.681.698	3.128.261.823
Phân bổ vào kết quả kinh doanh trong giai đoạn/ năm	(734.881.879)	(3.270.798.524)
Góp vốn vào công ty con	(310.086.194)	-
Tại ngày 30 tháng 6/ ngày 31 tháng 12	<u>471.915.157</u>	<u>1.155.201.532</u>

12. VAY NGẮN HẠN

Vay ngắn hạn tại ngày 30 tháng 6 năm 2011 thể hiện khoản vay từ Chi nhánh Ngân hàng Đầu tư và phát triển thành phố Hồ Chí Minh theo Hợp đồng tín dụng hạn mức số 52/94203/2010 ngày 20 tháng 12 năm 2010. Khoản vay này có thể rút bằng Đồng Việt Nam với mức dư nợ tối đa là 40.000.000.000 đồng với thời hạn rút vốn trong vòng 12 tháng kể từ ngày hợp đồng. Thời hạn vay theo từng hợp đồng tín dụng cụ thể và không quá 12 tháng. Lãi suất được xác định trong từng Hợp đồng tín dụng cụ thể và được trả hàng tháng. Vốn vay được sử dụng để bổ sung vốn lưu động.

13. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC

	30/6/2011 <u>VNĐ</u>	31/12/2010 <u>VNĐ</u>
Thuế giá trị gia tăng	1.468.282.515	3.161.034.704
Thuế thu nhập doanh nghiệp	4.467.137.794	-
Thuế thu nhập cá nhân	933.992.532	591.482.953
	<u>6.869.412.841</u>	<u>3.752.517.657</u>



TỔNG CÔNG TY TƯ VẤN THIẾT KẾ DẦU KHÍ – CÔNG TY CỔ PHẦN

Lầu 4 nhà G1, Khách sạn Dầu khí Thanh Đa, Phường 27, Quận Bình Thạnh

Báo cáo tài chính

Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam

Cho giai đoạn 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2011

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**MẪU B 09-DN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo***14. DỰ PHÒNG PHẢI TRẢ NGẮN HẠN**

Dự phòng phải trả ngắn hạn thể hiện khoản trích trước chi phí bảo hành công trình, với tỉ lệ từ 3% đến 5% giá trị hợp đồng xây lắp, trong thời hạn từ 12 đến 24 tháng kể từ ngày nghiệm thu bàn giao công trình hoàn thành cho khách hàng.

	2011 VNĐ	2010 VNĐ
Tại ngày 1 tháng 1	12.044.443.591	6.695.195.873
Trích lập dự phòng bổ sung trong giai đoạn/ năm	-	5.349.247.718
Hoàn nhập dự phòng	(589.065.027)	-
Tại ngày 30 tháng 6/ ngày 31 tháng 12	<u>11.455.378.564</u>	<u>12.044.443.591</u>

15. VAY VÀ NỢ DÀI HẠN

Vay và nợ dài hạn thể hiện khoản vay ưu đãi từ Quỹ đầu tư phát triển của Petro Việt Nam theo Hợp đồng tín dụng trung hạn số 01/HĐ-DKVN ngày 12 tháng 4 năm 2006 nhằm mục đích phát triển ngành tư vấn thiết kế dầu khí số tiền vay là 5.000.000.000 đồng trong 24 tháng kể từ ngày giải ngân đầu tiên. Khoản vay này không có đảm bảo, không phải trả lãi. Khoản vay này đáo hạn vào ngày 21 tháng 4 năm 2008, tuy nhiên Petro Việt Nam vẫn chưa có kế hoạch thu hồi khoản vay này. Ban Giám đốc Công ty tin rằng khoản vay này không phải hoàn trả trong vòng 12 tháng tiếp theo.

16. VỐN CHỦ SỞ HỮU

	30/6/2011 Cổ phiếu	31/12/2010 Cổ phiếu
Số lượng cổ phần được phép phát hành	18.000.000	8.000.000
Số lượng cổ phần đã phát hành và góp vốn đủ	18.000.000	8.000.000
Số lượng cổ phần đang lưu hành tại cuối kỳ	<u>18.000.000</u>	<u>8.000.000</u>

Công ty chỉ phát hành một loại cổ phần phổ thông không được hưởng cổ tức cố định với mệnh giá là 10.000 đồng. Cổ đông sở hữu cổ phần phổ thông được nhận cổ tức khi được công bố và có quyền biểu quyết theo tỉ lệ một quyền biểu quyết cho mỗi cổ phần sở hữu tại các cuộc họp cổ đông của Công ty.

Vốn điều lệ và vốn đầu tư

Theo Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông bất thường năm 2010 số 24/NQ-ĐHDCĐ ngày 19 tháng 10 năm 2010, đại hội đồng cổ đông của Công ty đã thông qua phương án phát hành cổ phần tăng vốn điều lệ của Công ty từ 80 tỷ đồng lên 180 tỷ đồng bằng việc phát hành thêm 10.000.000 cổ phần phổ thông với tổng mệnh giá phát hành là 100.000.000.000 đồng. Đến ngày 22 tháng 3 năm 2011, Công ty đã thu đủ tiền vốn góp của các cổ đông. Theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh điều chỉnh, vốn điều lệ của Công ty là 180 tỷ đồng (năm 2010: 80 tỷ đồng).

Căn cứ theo Quyết định 2271/QĐ-DKVN ngày 16 tháng 9 năm 2010, Tổng Công ty Cổ phần Xây lắp Dầu khí Việt Nam đã tiến hành chuyển nhượng toàn bộ cổ phần hiện đang sở hữu tại Công ty cho Tập đoàn Dầu khí Việt Nam. Tập đoàn Dầu khí Việt Nam cũng đã mua cổ phần phát hành thêm của Công ty theo hình thức chào bán cổ phần riêng lẻ và trở thành cổ đông chiến lược của Công ty.

TỔNG CÔNG TY TƯ VẤN THIẾT KẾ DẦU KHÍ – CÔNG TY CỔ PHẦNLầu 4 nhà G1, Khách sạn Dầu khí Thanh Đa, Phường 27, Quận Bình Thạnh
Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam**Báo cáo tài chính**

Cho giai đoạn 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2011

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**MẪU B 09-DN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo*

Danh sách cổ đông lớn nắm giữ trên 5% vốn điều lệ của Công ty như sau:

	Vốn đã góp	
	30/6/2011	31/12/2010
	<u>VND</u>	<u>VND</u>
Tập đoàn Dầu khí Việt Nam	52.200.000.000	-
Tổng Công ty Cổ phần Xây lắp Dầu khí Việt Nam	-	16.497.220.000
Công ty TNHH Hyundai Engineering	6.825.000.000	3.500.000.000
Ông Đỗ Đức Hiếu	<u>11.118.210.000</u>	<u>5.701.650.000</u>

Theo Nghị quyết số 18/NQ-ĐHĐCĐ ngày 21 tháng 4 năm 2011 của Đại hội đồng cổ đông, Công ty dự kiến tăng vốn điều lệ lên 250 tỷ đồng bằng việc phát hành 7.000.000 cổ phần phổ thông với mệnh giá là 10.000 đồng/cổ phần cho các cổ đông hiện hữu và các cổ đông chiến lược. Tại ngày lập báo cáo ngày, việc tăng vốn chưa được thực hiện.

11/202
CHI NI
CÓN
CHNH
DEL
TIỆT
TP. H
V. TR

TỔNG CÔNG TY TƯ VẤN THIẾT KẾ DẦU KHÍ

Lầu 4 nhà G1, Khách sạn Dầu khí Thanh Đa, Phường 27, Quận Bình Thạnh
Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính
Cho giai đoạn 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2011

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

MẪU B 09-DN**Thay đổi trong vốn chủ sở hữu trong năm như sau:**

	Vốn điều lệ VNĐ	Thặng dư vốn cổ phần VNĐ	Vốn khác của chủ sở hữu VNĐ	Cổ phiếu quỹ VNĐ	Chênh lệch tỷ giá VNĐ	Quỹ đầu tư phát triển VNĐ	Quỹ dự phòng tài chính VNĐ	Lợi nhuận chưa phân phối VNĐ	Tổng cộng VNĐ
Tại 1/1/2010	80.000.000.000	-	1.600.295.812 (440.750.000)	(1.223.963.195)	(29.507.454)	3.246.474.232	2.236.950.837	15.041.704.859	100.871.955.091 (440.750.000)
Sử dụng quỹ	-	-	450.000.000	-	-	-	-	-	(2.041.923.889)
Trích quỹ trong năm	-	-	-	-	-	1.504.170.485	1.504.170.485	(5.500.264.859)	(20.341.440.000)
Cổ tức	-	-	-	-	-	-	-	(20.341.440.000)	(20.341.440.000)
Tái phát hành cổ phiếu quỹ	-	353.718.415	-	1.223.963.195	-	-	-	-	1.577.681.610
Chênh lệch tỷ giá	-	-	-	-	29.616.784	-	-	-	29.616.784
Lợi nhuận trong năm	-	-	-	-	-	-	-	23.035.604.127	23.035.604.127
Tại 31/12/2010	80.000.000.000	353.718.415	1.609.545.812	-	109.330	4.750.644.717	3.741.121.322	12.235.604.127	102.690.743.723
Vốn góp tăng trong giai đoạn	100.000.000.000	-	-	-	-	-	-	-	100.000.000.000
Sử dụng quỹ	-	-	(509.250.000)	-	-	-	-	-	(509.250.000)
Trích quỹ trong giai đoạn	-	-	500.000.000	-	-	1.151.780.206	1.151.780.206	(4.135.604.127)	(1.332.043.715)
Cổ tức	-	-	-	-	-	-	-	(8.100.000.000)	(8.100.000.000)
Chênh lệch tỷ giá	-	-	-	-	171.780.578	-	-	-	171.780.578
Lợi nhuận trong giai đoạn	-	-	-	-	-	-	-	23.219.568.852	23.219.568.852
Giảm khác	-	(31.830.000)	-	-	-	-	-	-	(31.830.000)
Tại 30/6/2011	180.000.000.000	321.888.415	1.600.295.812	-	171.889.908	5.902.424.923	4.892.901.528	23.219.568.852	216.108.969.438

Theo Nghị quyết số 18/NQ-DHĐCD ngày 21 tháng 4 năm 2011 của Đại hội đồng cổ đông của Công ty, Công ty đã công bố chia tổng số cổ tức là 18.900.000.000 đồng bằng tiền mặt từ lợi nhuận chưa phân phối của năm 2010 với tỉ lệ là 18%/mệnh giá mỗi cổ phần (2010: 9.541.440.000 đồng). Theo Quyết định số 33/QĐ-HĐQT ngày 3 tháng 12 năm 2010 của Hội đồng quản trị của Công ty, Công ty đã công bố tạm trích cổ tức là 10.800.000.000 đồng, phần cổ tức còn lại 8.100.000.000 đồng được công bố và chi trả toàn bộ trong kỳ cho các cổ đông.

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2011, Công ty đã thực hiện trích các quỹ đầu tư phát triển, quỹ khen thưởng, phúc lợi, và quỹ khen thưởng Ban quản lý điều hành Công ty từ lợi nhuận sau thuế của năm 2010 theo Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông số 18/NQ-DHĐCD ngày 21 tháng 4 năm 2011.



TỔNG CÔNG TY TƯ VẤN THIẾT KẾ DẦU KHÍLầu 4 nhà G1, Khách sạn Dầu khí Thanh Đa, Phường 27, Quận Bình Thạnh
Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam**Báo cáo tài chính**

Cho giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2011

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**MẪU B 09-DN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo***17. DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH**

	Từ 1/1/2011 đến 30/6/2011 VNĐ	Từ 1/1/2010 đến 30/6/2010 VNĐ
Lãi tiền gửi	3.673.585.344	1.187.501.399
Lãi chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	417.000.000	935.514.540
	4.090.585.344	2.123.015.939

18. LỢI NHUẬN KHÁC

	Từ 1/1/2011 đến 30/6/2011 VNĐ	Từ 1/1/2010 đến 30/6/2010 VNĐ
Xóa sổ các khoản nợ phải trả kéo dài trên 3 năm	1.737.761.844	-
Hoàn nhập chi phí bảo hành công trình	589.065.027	4.004.662.943
Chênh lệch đánh giá lại tài sản	1.433.472.395	-
Khác	122.711.329	210.362.845
Thu nhập khác	3.883.010.595	4.215.025.788
Tạm ứng khó đòi đã xóa sổ	(150.363.648)	-
Khác	(1.195.441)	(2.313.880)
Chi phí khác	(151.559.089)	(2.313.880)
Lợi nhuận khác	3.731.451.506	4.212.711.908

19. CHI PHÍ THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP HIỆN HÀNH

	Từ 1/1/2011 đến 30/6/2011 VNĐ	Từ 1/1/2010 đến 30/6/2010 VNĐ
Lợi nhuận trước thuế	30.974.425.136	13.856.708.305
Trừ: Thu nhập không chịu thuế	-	-
Cộng: Các khoản chi phí không được khấu trừ	45.000.000	-
Thu nhập chịu thuế	31.019.425.136	13.856.708.305
Thuế suất thông thường	25%	25%
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	7.754.856.284	3.464.177.077

Công ty có nghĩa vụ phải nộp thuế thu nhập doanh nghiệp theo thuế suất 25% tính trên thu nhập chịu thuế. Công ty được miễn thuế thu nhập doanh nghiệp trong hai năm kể từ ngày chuyển thành công ty cổ phần và được giảm 50% trong ba năm tiếp theo. Công ty đã đăng ký thời gian hưởng ưu đãi thuế bắt đầu từ ngày 1 tháng 1 năm 2006. Năm 2011 là năm Công ty hết thời hạn ưu đãi thuế nên Công ty nộp thuế với thuế suất 25% tính trên thu nhập chịu thuế cho hoạt động kinh doanh chính và hoạt động khác.

Công ty không ghi nhận thuế thu nhập hoãn lại phải trả hay tài sản thuế thu nhập hoãn lại bởi vì không có chênh lệch tạm thời đáng kể giữa giá trị ghi sổ của các khoản mục tài sản hoặc nợ phải trả trên bảng cân đối kế toán và cơ sở tính thuế thu nhập của các khoản mục này.

TỔNG CÔNG TY TƯ VẤN THIẾT KẾ DẦU KHÍLầu 4 nhà G1, Khách sạn Dầu khí Thanh Đa, Phường 27, Quận Bình Thạnh
Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam**Báo cáo tài chính**

Cho giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2011

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**MẪU B 09-DN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo***20. CAM KẾT THUÊ HOẠT ĐỘNG**

	Từ 1/1/2011 đến 30/6/2011 VNĐ	Từ 1/1/2010 đến 30/6/2010 VNĐ
Chi phí thuê hoạt động tối thiểu đã ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh trong giai đoạn	<u>6.800.017.221</u>	<u>3.663.688.552</u>

Tại ngày kết thúc niên độ kế toán, Công ty có các khoản cam kết thuê hoạt động không hủy ngang với lịch thanh toán như sau:

	30/6/2011 VNĐ	31/12/2010 VNĐ
Trong vòng một năm	4.695.213.432	1.349.961.406
Từ năm thứ hai đến năm thứ năm	-	-
Sau năm năm	-	-
	<u><u>4.695.213.432</u></u>	<u><u>1.349.961.406</u></u>

Các khoản thanh toán thuê hoạt động thể hiện các cam kết thuê văn phòng của Công ty với thời hạn thuê đến ngày 31 tháng 12 năm 2011.

**21. NGHIỆP VỤ VÀ SỐ DƯ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN**

Thu nhập Ban Giám đốc và Chủ tịch Hội đồng Quản trị được hưởng trong năm như sau:

	Từ 1/1/2011 đến 30/6/2011 VNĐ	Từ 1/1/2010 đến 30/6/2010 VNĐ
Lương	2.054.368.363	968.803.968
Tiền thưởng	380.500.000	314.071.000
	<u><u>2.434.868.363</u></u>	<u><u>1.282.874.968</u></u>

22. PHÊ DUYỆT PHÁT HÀNH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Báo cáo tài chính cho giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2011 đã được Hội đồng Quản trị Công ty phê duyệt để phát hành vào ngày 15 tháng 8 năm 2011.



Đỗ Văn Thanh
Tổng Giám đốc
Ngày 15 tháng 8 năm 2011

Hồ Khả Thịnh
Kế toán trưởng

